CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xuất Nhập khẩu Hàng Không

Ngày 30/09/2025	28,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q3/25
87.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.2| 19.3%
YoY: ▲ 27.5| 45.7%

LN thuần
Q3/25
1.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.38| -17.2%
YoY: ▲ 0.41| 28.2%

LN sau thuế
Q3/25
1.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.26| -15.2%
YoY: ▲ 0.30| 25.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.6%
YoY: +/-▼ 0.9%

ROE (TTM)
Q3/25
14.1%
YoY: +/-▲ 0.3%

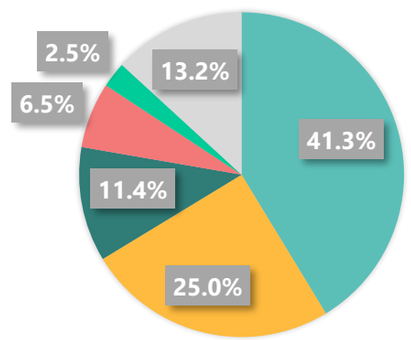
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,600 - 36,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	88
Số lượng CPLH (CP)	3,111,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	-
EPS	1,812
P/E	15.6

DT thuần
9T 2025
212
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00| 3.3%

LN thuần
9T 2025
5.76
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.33| 30.2%

LN sau thuế
9T 2025
4.53
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.87| 23.6%

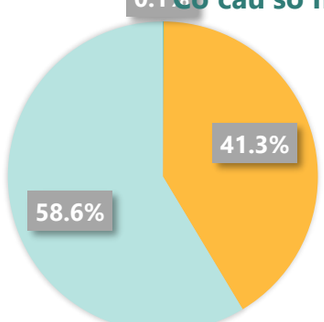
Cơ cấu cổ đông



- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
- Đào Khắc Hậu (Chủ tịch HĐQT)
- Đào Anh Hùng
- Lê Văn Kim
- Hoàng Việt Dũng (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

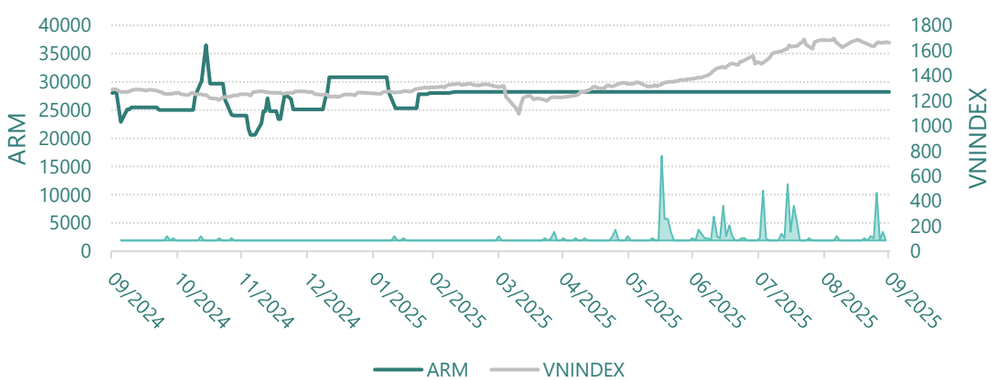
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

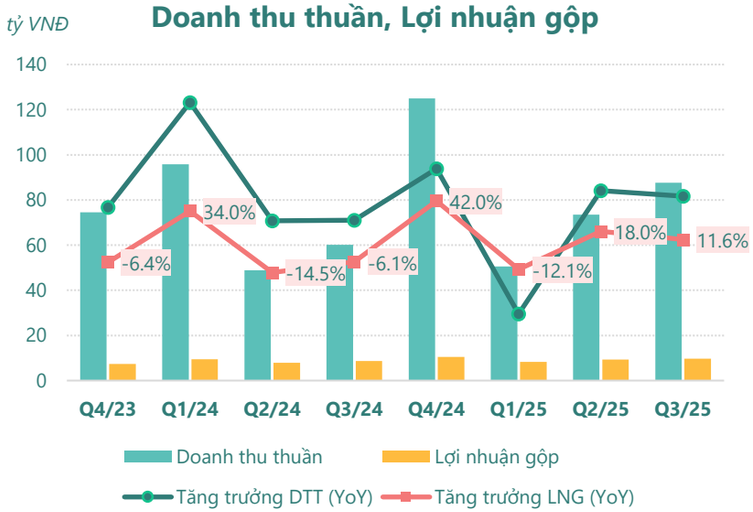
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



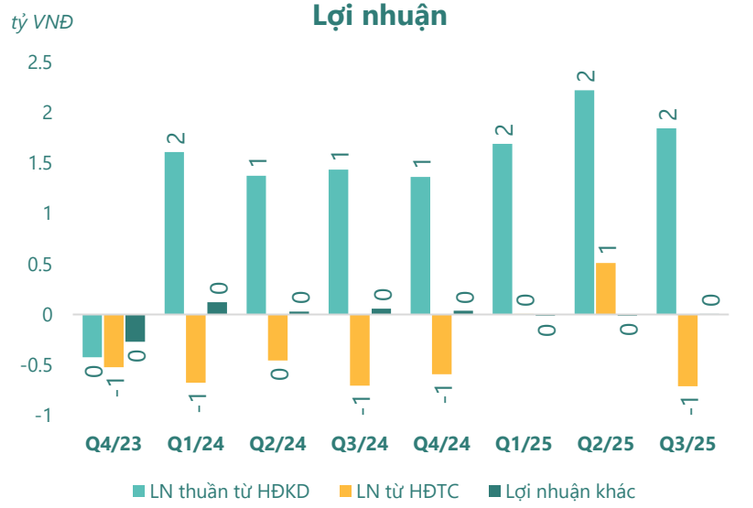
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



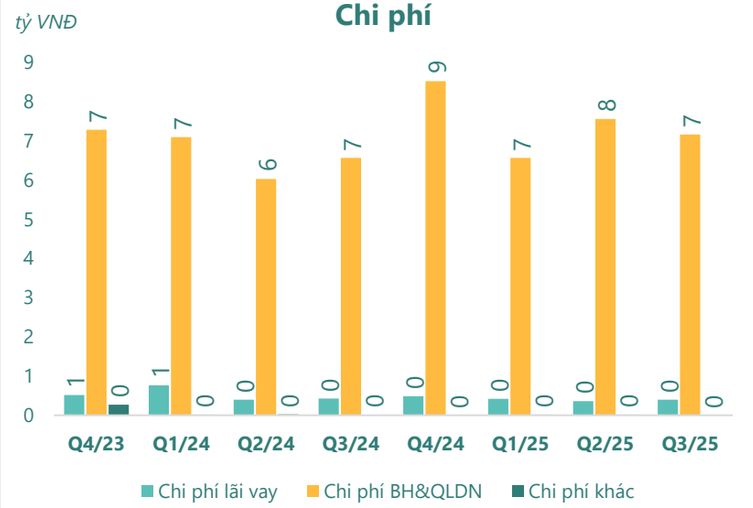
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



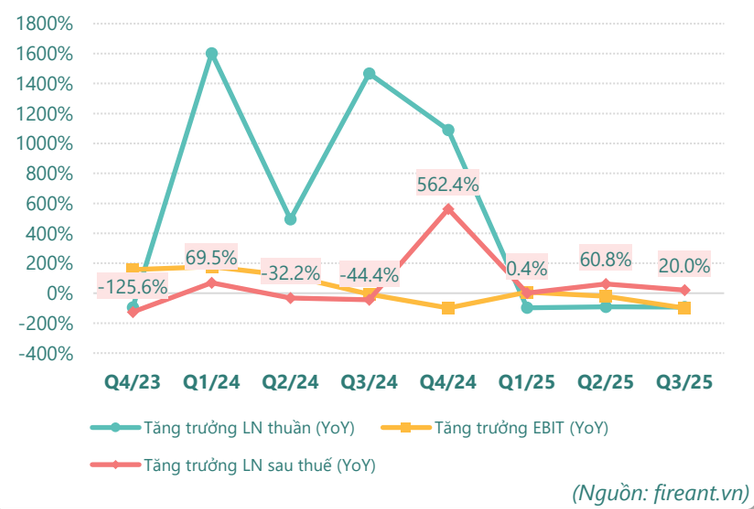
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



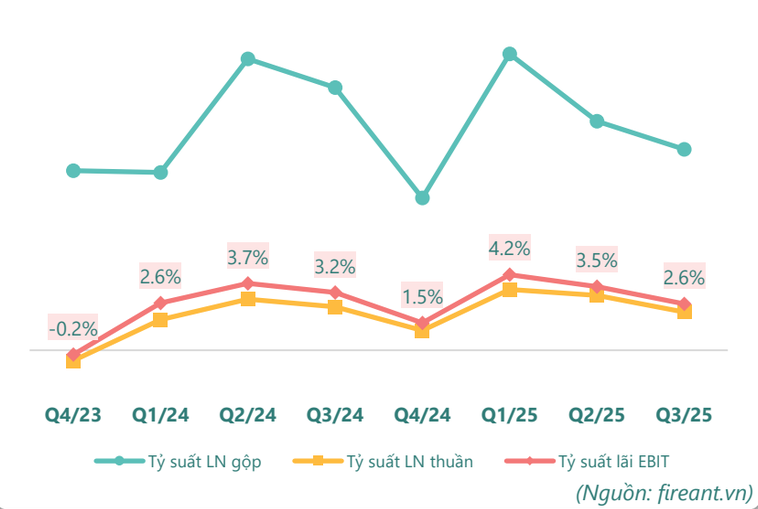
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

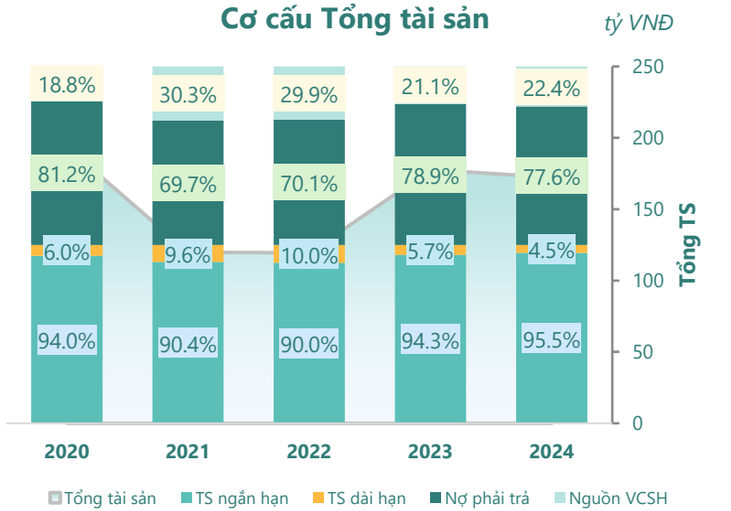
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

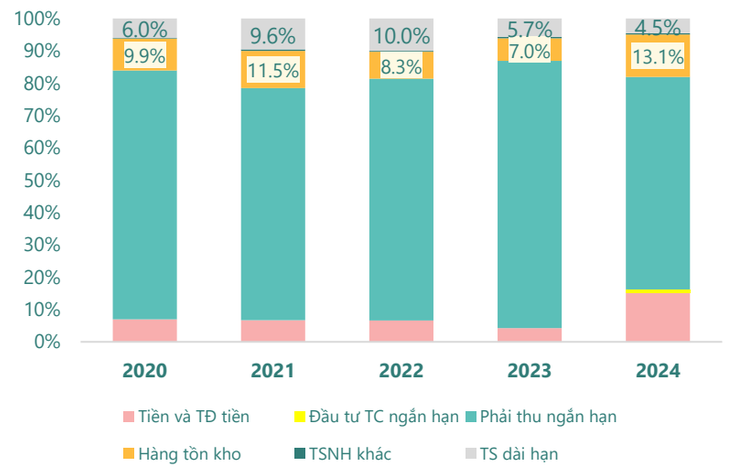
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



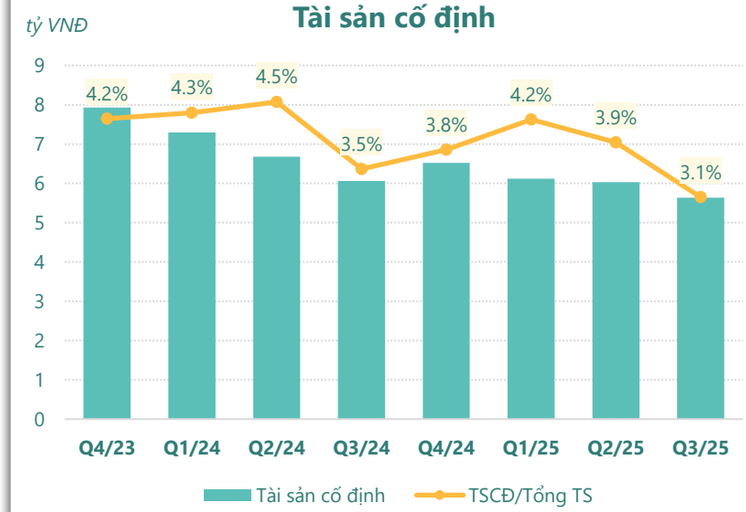
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



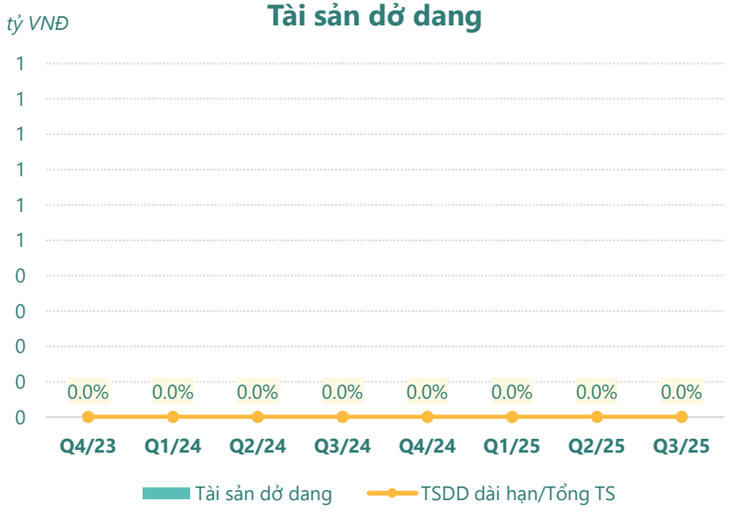
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



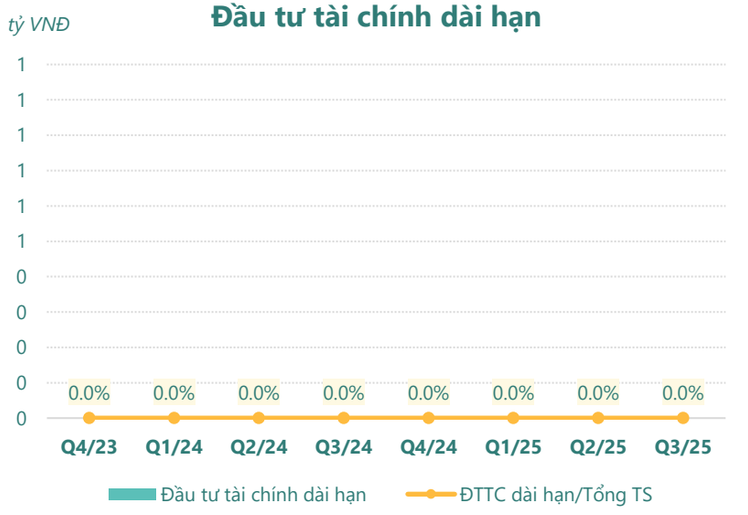
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



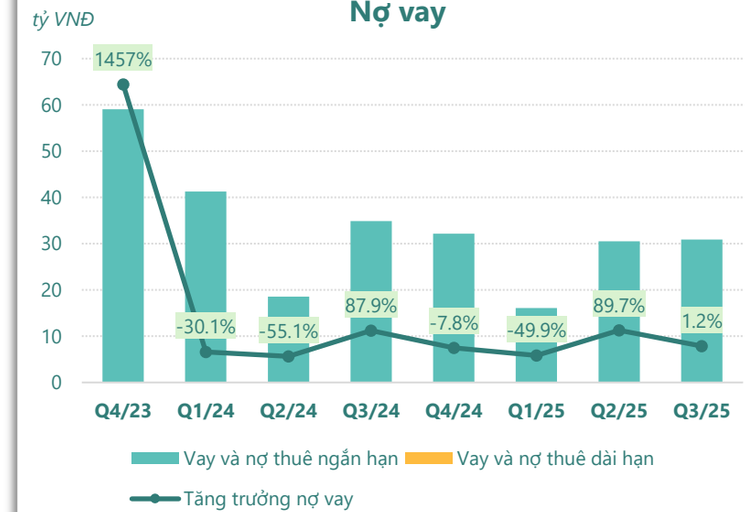
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

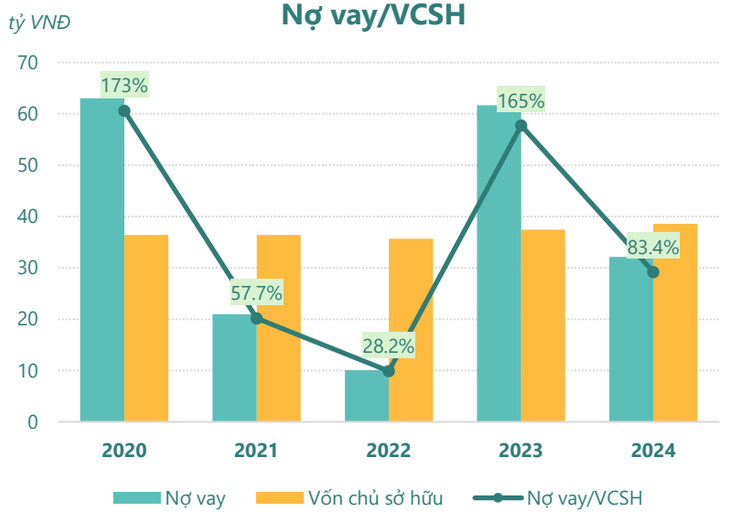
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

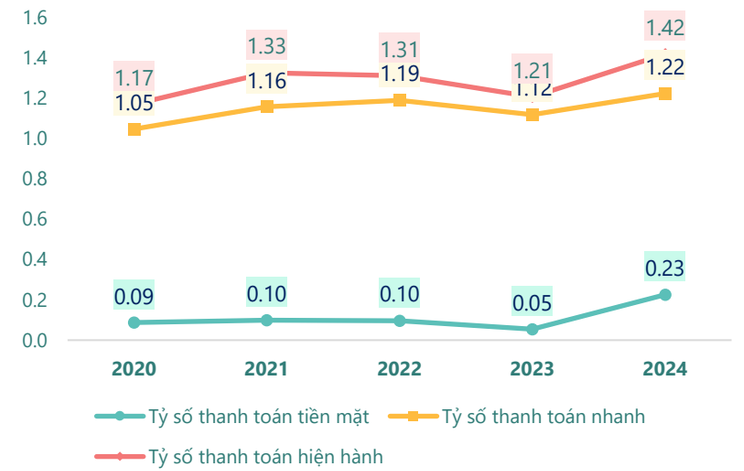
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



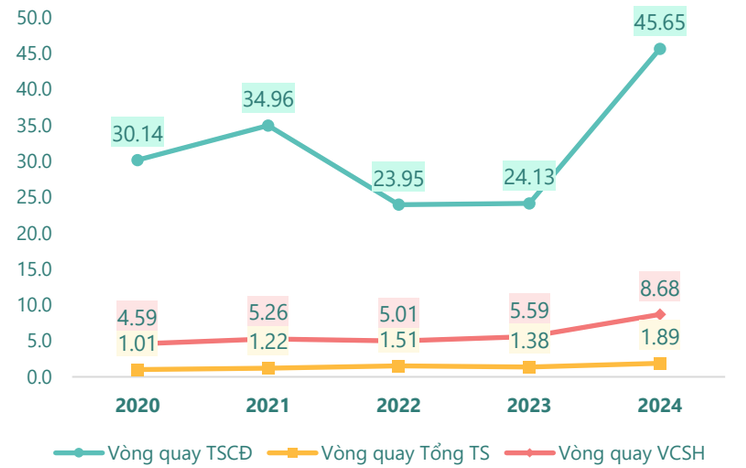
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



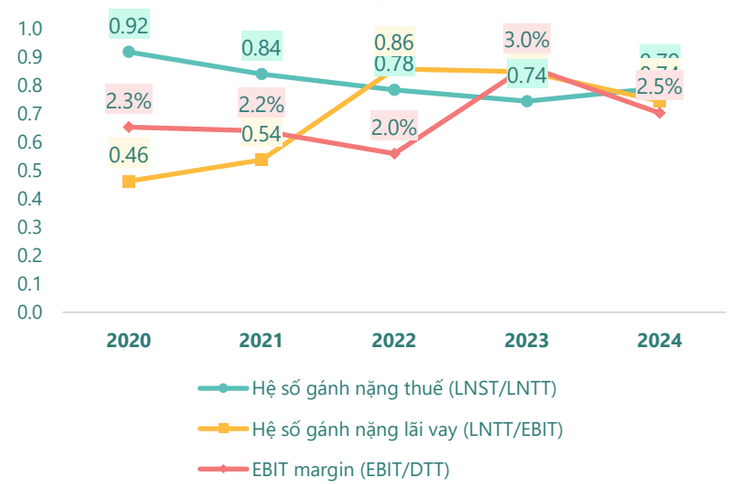
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



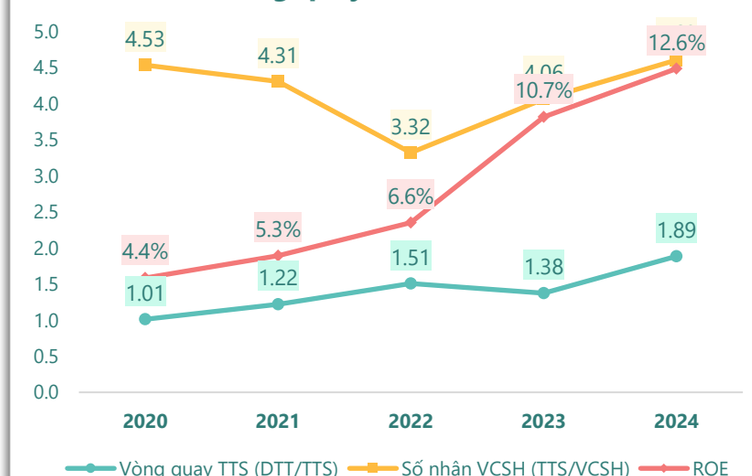
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



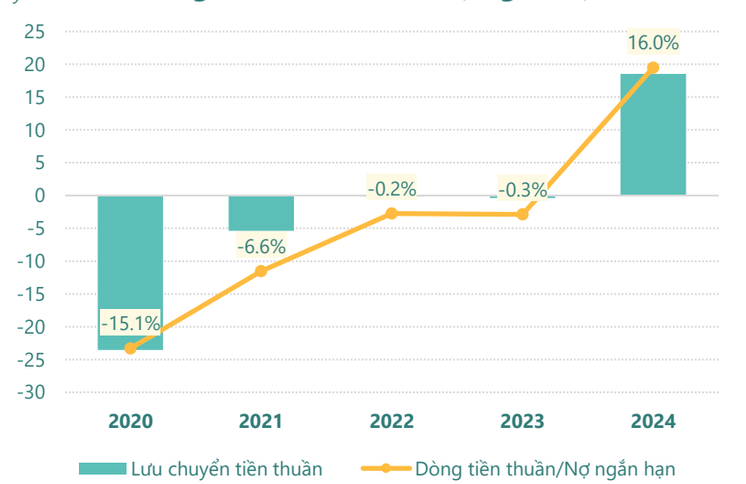
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**87.7**	**60.2**	**45.7%**	**212**	**205**	**3.3%**
Giá vốn hàng bán	78.0	51.5	51.4%	184	179	3.1%
Lợi nhuận gộp	9.72	8.71	11.6%	27.2	26.0	5.0%
Doanh thu HĐTC	0.09	0.06	45.1%	2.02	0.29	585%
Chi phí TC	0.80	0.76	4.9%	2.21	2.13	3.6%
Chi phí lãi vay	0.40	0.42	-5.9%	1.18	1.58	-25.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.46	1.72	-15.3%	4.99	4.93	1.4%
Chi phí QLDN	**5.70**	**4.85**	**17.6%**	**16.3**	**14.8**	**10.4%**
LN thuần từ HĐKD	1.85	1.44	28.2%	5.76	4.43	30.2%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.06**	**-92.5%**	**-0.02**	**0.21**	**-110%**
LN trước thuế	1.85	1.50	23.4%	5.74	4.64	23.9%
Lợi nhuận sau thuế	**1.48**	**1.18**	**25.0%**	**4.53**	**3.66**	**23.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.48**	**1.18**	**25.0%**	**4.53**	**3.66**	**23.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.2	-0.54	2.50	4.36	-16.1	15.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.18	0.01	-0.88	-1.74	3.51	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-25.9	16.5	-2.73	-16.1	14.4	0.37
Tiền đầu kỳ	27.0	11.4	27.2	26.1	12.6	14.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-15.6**	**15.9**	**-1.10**	**-13.4**	**1.80**	**15.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.05	-0.17	0.01	-0.11	0.00	-0.02
Tiền cuối kỳ	11.4	27.2	26.1	12.6	14.4	29.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**180**	**172**	**4.2%**
Tài sản ngắn hạn	173	164	5.4%
Tiền và tương đương tiền	29.9	26.1	14.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.75	-100%
Phải thu ngắn hạn	132	113	16.6%
Hàng tồn kho	11.2	22.7	-50.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.16	0.71	-77.0%
Tài sản dài hạn	**6.29**	**7.83**	**-19.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.63	6.52	-13.6%
Bất động sản đầu tư	0.37	0.92	-59.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.29**	**0.39**	**-25.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	137	134	2.7%
Nợ ngắn hạn	**136**	**116**	**17.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.9	32.2	-3.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.8	15.0	51.9%
Nợ dài hạn	1.40	17.7	-92.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**42.3**	**38.6**	**9.7%**
Vốn chủ sở hữu	**42.3**	**38.6**	**9.7%**
Vốn điều lệ	31.1	31.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)